SỞ Y TẾ TỈNH HƯNG YÊN
BỆNH VIỆN ĐK VŨ THƯ

Số: 111 /TM-BV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vũ Thư, ngày 08 tháng 07 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa Vũ Thư có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm hóa chất, vật tư phục vụ hoạt động xét nghiệm của bệnh viện Đa khoa Vũ Thư năm 2025 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá.

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Vũ Thư.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Dược sỹ Vũ Văn Huỳnh - Trưởng khoa Dược bệnh viện Đa khoa Vũ Thư, SĐT: 0983.136.575, Email: Vuhuynh1507@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Bản giấy có dấu đỏ: Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Văn Thư Bệnh viện Đa khoa Vũ Thư, Địa chỉ xã Vũ Thư, tỉnh Hưng Yên; SĐT: 0227.3826.306.

- File mềm: Gửi vào địa Email: Vuhuynh1507@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 09 tháng 07 năm 2025 đến trước 17h ngày 19 tháng 07 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 19 tháng 07 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục mua sắm (*theo phụ lục I đính kèm*).

2. Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Đa khoa Vũ Thư (xã Vũ Thư, tỉnh Hưng Yên).

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không áp dụng.
- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.
- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.
- Giá trị thanh toán: Theo khối lượng và giá trị từng đợt nghiệm thu hợp

đồng.

- Điều kiện, thời hạn thanh toán: Nhà thầu đã hoàn thành việc cung cấp, bàn giao đầy đủ đúng số lượng, chất lượng và thời gian giao nhận cho bệnh viện. Số hàng hóa sẽ được hai bên nghiệm thu theo từng đợt. Bệnh viện sẽ thanh toán 100% giá trị nghiệm thu trong vòng 90 ngày kể từ ngày bệnh viện nhận đầy đủ hồ sơ chứng từ thanh toán.

Lưu ý: Báo giá phải được người có thẩm quyền ký trực tiếp trên văn bản giấy, khi ký văn bản dùng bút có mực xanh, không dùng các loại mực dễ phai hoặc dùng dấu chữ ký khắc sẵn để ký báo giá.

5. Các thông tin khác.

Nhà thầu áp dụng mẫu báo giá theo Phụ lục 02 đính kèm công văn này.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Website bệnh viện ĐK Vũ Thư;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH HƯNG YÊN
BỆNH VIỆN ĐA KHOA VŨ THƯ

Đỗ Văn Lương

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC MUA SẮM HÓA CHẤT, VẬT TƯ PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG XÉT NGHIỆM CỦA BỆNH VIỆN ĐA KHOA VŨ THƯ NĂM 2025

(Kèm theo công văn số: 111 /TM-BV ngày 08/07/2025 của bệnh viện Đa khoa Vũ Thư)

STT	Danh mục thiết bị y tế	Tiêu chí kỹ thuật, thể tích, hàm lượng, nồng độ (nếu có) tham khảo	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng
1	2	3	4	5
1	Que thử nước tiểu 11 thông số	Que thử nước tiểu sử dụng cho máy xét nghiệm nước tiểu UriScan Super + Ứng dụng trong nhu cầu xét nghiệm 13 thông số: Blood, Bilirubin, Urobilinogen, Ketones, Protein, Nitrite, Glucose, pH, Leucocyte, VtC, Compennation, SG, Clarity. Quy cách: 400 test/ Hộp Thành phần: Blood: 3,3',5,5'-Tetrametylbenzidin 11,2 mg, Cumen hydroperoxit 94,4 mg Bilirubin: 2,4-Dichloroanilinediazonium 8,0 mg. Urobilinogen: p-Dimetylaminobenzaldehyd 60,0mg. Ketones: Sodium nitropruside120,0mg Protein: Tetrabromphenol blue 4.0 mg Nitrite: p-Arsanilic acid 14 mg. Glucose: glucoza oxydaza 1.840 đơn vị , Peroxidase 8400 đơn vị, Potasium iodide 60 mg. pH: Methyl red 2 mg, Bromthymol blue 2.8 mg. Leucytes: Naphtol AS-D chloroacetate 30 mg, 2 chloro 4 benzamide 5 methylbenzendiazonium chloride 6 mg. Ascorbic Acid: 2,6 Dichlophenolindophenol 6mg, Methyl red 6mg. Bảo	Hộp	300
2	Nước rửa hệ thống cho máy xét nghiệm nước tiểu tự động	Nước rửa hệ thống cho máy xét nghiệm nước tiểu tự động Urícan Super +. Để làm sạch ống phân tích sau khi kiểm tra / trước khi tắt máy để bảo trì Quy cách: Chai/ 500 mL	Chai	2
3	Chất nội kiểm chất lượng cho máy nước tiểu tự động	Chất nội kiểm chất lượng QC cho máy nước tiểu. URiTROL TM Liquid Urinalysis Control là chất kiểm soát dạng lỏng sẵn sàng để sử dụng, không cần hoàn nguyên hoặc pha loãng. Nó được cung cấp ở hai cấp độ để cho phép theo dõi hiệu suất trong phạm vi lâm sàng. Bảo quản ở 2 đến 8 °C. Quy cách: 2 lọ x 15ml	Hộp	24
4	Que thử nước tiểu 11 thông số dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu tự động	Que thử nước tiểu 11 thông số dùng để định tính hoặc bán định lượng tỷ trọng, urobilinogen, bilirubin, Ketone, máu, protein, nitrit, bạch cầu , glucose, pH, axit ascorbic trong nước tiểu.	Hộp	800
5	Dung dịch làm sạch hệ thống loại I dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu tự động	- Được sử dụng để làm sạch hệ thống phản ứng trong quá trình xét nghiệm. Sản phẩm này không chứa chất tẩy rửa chỉ dùng để làm sạch thiết bị. - Thành phần: Brij-35 0,16% W/V - Đặc điểm hiệu suất: pH: 7.0±1.0 ở (22±1)°C,	Lọ	32
6	Dung dịch làm sạch hệ thống loại III dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu tự động	- Được sử dụng để làm sạch hệ thống phản ứng trong quá trình xét nghiệm. Sản phẩm này không chứa chất tẩy rửa, chỉ dùng để làm sạch thiết bị. - Thành phần: Natri hypoclorit 0,5% W/V - Đặc điểm hiệu suất: pH: 11,5 ± 1,0 ở (22 ± 1)°C.	Lọ	13

1	2	3	4	5
7	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm nước tiểu mức 1	- Được sử dụng để kiểm soát chất lượng các chỉ số urobilinogen, bilirubin, ketone, máu, protein, nitrit, bạch cầu, glucose, tỷ trọng, pH, axit ascorbic, microalbumin, creatinine và canxi của que thử nước tiểu dùng trên máy xét nghiệm nước tiểu tự động hoàn toàn. - Thành phần: Natri clorua, axit ascorbic	Lọ	24
8	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm nước tiểu mức 2	- Được sử dụng để kiểm soát chất lượng các chỉ số urobilinogen, bilirubin, ketone, máu, protein, nitrit, bạch cầu, glucose, tỷ trọng, pH, axit ascorbic, microalbumin, creatinine và canxi của que thử nước tiểu dùng trên máy xét nghiệm nước tiểu tự động hoàn toàn. - Thành phần: Glucose khan, urê, creatinine, canxi clorua, albumin, hemoglobin, esterase, muối naphthylamine.	Lọ	24
9	Thuốc thử xét nghiệm Prothrombin Time	Hóa chất HEMOSTAT THROMBOPLASTIN-SI (PT-SI) dùng để xác định Prothrombin Time (PT) bằng phương pháp thủ công hoặc tự động. PT-SI có thể được sử dụng để xét nghiệm các yếu tố đông máu trong các con đường dông máu ngoại sinh và con đường chung. Thành phần gồm có: - Hoá chất Thromboplastin (dạng đông khô) chứa Chiết xuất não thỏ > 10%, Sodium azide < 0,01% - Đệm CaCl2 chứa Sodium azide < 0,01% Độ ổn định: 12 ngày ở 2-8°C, 1 ngày ở 20-25°C.	Hộp	30
10	Thuốc thử xét nghiệm APTT	Bộ hóa chất xét nghiệm aPTT sử dụng chất hoạt hóa axit Ellagic, dùng để xác định thời gian Thromboplastin một phần hoạt hóa (aPTT) bằng phương pháp thủ công và tự động. Thành phần gồm có: - Hoá chất 1 (6x4ml): Hóa chất aPTT-EL: Cephalin não thỏ < 1.0%, ellagic acid, sodium azide < 0,01%; - Hóa chất 2 (6x4ml): Dung dịch CaCl2 0,02 mol/l, sodium azide < 0,01%, muối và chất ổn định. Độ ổn định 14 ngày ở 2-8°C, 7 ngày ở 20-25°C.	Hộp	6
11	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Fibrinogen	Hóa chất xét nghiệm Fibrinogen dùng xác định Fibrinogen trong huyết tương bằng phương pháp thủ công và tự động. Thành phần gồm có: - Hóa chất Fibrinogen dạng đông khô 5x2ml, thành phần: thrombin người 80 - 100 IU/ml, sodium azide < 0,01%. - Dung dịch đệm Imidazole Buffered Saline 1x100mL, pH 7.4 ± 0.2, thành phần: imidazole 0,05mol/l, đệm và chất ổn định. - Chất chuẩn: Fibrinogen huyết tương tham chiếu (dạng đông khô) 2x1mL, thành phần: huyết tương người, sodium azide < 0,01%. Khi được bảo quản ở 2-8 °C, lọ chưa mở sẽ ổn định cho đến hết hạn sử dụng. Sau hoàn nguyên hóa chất ổn định 7 ngày ở 2-8°C.	Hộp	12
12	Hóa chất kiểm chuẩn các xét nghiệm đông máu mức bình thường	Hóa chất kiểm chuẩn, dùng để theo dõi hiệu suất các xét nghiệm đông máu thường quy mức bình thường. Hộp 6x1ml gồm có: Huyết tương người dạng đông khô, sodium azide < 0.01%.	Hộp	8

1.	2	3	4	5
13	Hóa chất kiểm chuẩn các xét nghiệm đông máu mức bất thường	Hóa chất kiểm chuẩn, dùng để theo dõi hiệu suất các xét nghiệm đông máu thường quy mức bất thường. Hộp 6x1ml gồm có: Huyết tương người dạng đông khô, sodium azide < 0.01%.	Hộp	8
14	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm đông máu	Hóa chất hiệu chuẩn, được sử dụng để hiệu chuẩn các xét nghiệm để phân tích Prothrombin Time (PT) và Antithrombin. Hộp 4x1ml (dạng đông khô) Calibrator chứa: Mẫu gộp huyết tương người, sodium azide < 0.01%	Hộp	8
15	Cuvette dùng cho máy xét nghiệm đông máu	Cuvet dùng cho máy xét nghiệm đông máu tự động HumaClot Pro	Hộp	10
16	IVD rửa dùng cho máy xét nghiệm đông máu	Dung dịch Wash Solution dùng để làm sạch kim hút nhằm ngăn ngừa nhiễm chéo trên máy HumaClot Pro. Quy cách: 5 x 15 ml. Thành phần của Wash Solution: - Buffered Salt Solution - Imidazole 0.1mol/l - HCl 0.1mol/l - Detergent 0.02%	Hộp	10
17	IVD rửa dùng cho máy xét nghiệm đông máu	Dung dịch HumaClot Pro - Cleaner dùng để làm sạch thường xuyên trạm rửa, ống thải, kim hút và bơm chất thải của máy phân tích đông máu HumaClot Pro, làm giảm nguy cơ lây nhiễm vật liệu sinh học. Quy cách: 5 x 15 ml. Thành phần: Aqueous Solution	Hộp	20
18	Thanh khuấy hóa chất	Thanh khuấy hóa chất	Hộp	1
19	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Na, K, Cl, Ca, Li	Pack EasyLyte Na / K / Cl / Ca / Li Solutions Pack sử dụng cho việc xác định định lượng của các ion Natri (Na +), Kali (K +), Clorua (Cl−), Canxi (Ca ++) và Lithium (Li +) trong huyết thanh, huyết tương người, máu toàn phần và nước tiểu (kết quả nước tiểu chỉ có thông số Na +, K + và Chỉ Cl-) bằng máy xét nghiệm điện giải EasyLyte expand. *Thành phần: Standard A Solution, 800mL: 140.0 mmol/L Na+; 4.0 mmol/L K+; 125.0 mmol/L Cl−; 1.25 mmol/L Ca++; 1.00 mmol/L Li+; Buffer; Chất bảo quản; Wetting Agent Standard B Solution, 180mL: 35.0 mmol/L Na+; 16.0 mmol/L K+; 41.0 mmol/L Cl−; 2.50 mmol/L Ca++; 0.40 mmol/L Li+; Buffer Chất bảo quản; Wetting Agent Wash Solution, 80mL 0.1 mol/L Ammonium bifluoride Waste Container	Hộp	40
20	IVD rửa dùng cho máy xét nghiệm điện giải	Dung dịch làm sạch hàng ngày để loại bỏ các cặn protein trên các máy xét nghiệm điện giải, khí máu hãng Medica/Mỹ (Có Ammonium Biflouride) Thành phần 1 hộp gồm: - Daily Cleaner Diluent- Pha loãng rửa hàng ngày: 1 lọ 90 ml HCl (0.2 N), NH5F2 (0.05N) và muối. - Daily Cleaner Powder - Chất rửa hàng ngày dạng bột: 6 lọ, pepsin 0.5g	Hộp	12

1	2	3	4	5
21	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng các thông số điện giải	*Dung dịch kiểm chuẩn cho các xét nghiệm phân tích điện giải (bao gồm test Na+, K+, Cl-, Li+, Ca++, pH) với 2 mức bình thường và bất thường. *Gồm dung dịch muối, chất đệm, albumin bò, chất bảo quản.	Hộp	24
22	Điện cực xét nghiệm định lượng Na	Điện cực Na dùng cho máy xét nghiệm điện giải hãng Medica/Mỹ	Cái	3
23	Điện cực xét nghiệm định lượng K	Điện cực K dùng cho máy xét nghiệm điện giải hãng Medica/Mỹ	Cái	3
24	Điện cực xét nghiệm định lượng Cl	Điện cực Cl dùng cho máy xét nghiệm điện giải hãng Medica/Mỹ	Cái	3
25	Điện cực xét nghiệm định lượng Ca	Điện cực Ca dùng cho máy xét nghiệm điện giải hãng Medica/Mỹ	Cái	3
26	Điện cực tham chiếu xét nghiệm định lượng 6 thông số điện giải	Điện cực tham chiếu dùng cho máy điện giải Na/K/Ca/pH và Na/K/Cl/Ca/Li	Cái	3
27	Đường ống bơm và ống mẫu máy điện giải	Hộp gồm: 1 đường ống bơm, 1 đường ống mẫu và 1 đường ống mẫu ngắn. Dùng cho máy điện giải EasyLyte Na/K/Ca/pH, Na/K/Cl/Ca/Li	Hộp	3
28	Bộ phát hiện mẫu máy xét nghiệm điện giải	Bộ phát hiện mẫu dùng cho máy xét nghiệm điện giải hãng Medica/Mỹ	Cái	3
29	Van máy xét nghiệm điện giải	Van dùng cho máy xét nghiệm điện giải	Cái	2
30	Thuốc thử xét nghiệm định lượng T3	Total Triiodothyronine Kit là thuốc thử xét nghiệm miễn dịch để xác định định lượng Hormone Triiodothyronine (T3) là hormone chịu trách nhiệm chính cho phát triển tác động của các hormone tuyến giáp trên các cơ quan đích khác nhau. Thành phần hoạt tính: (MB): Streptavidin phủ vi hạt; 0,1M PBS; chất bảo quản. (RA): Kháng thể kháng T3 đơn dòng (cừu) được gắn nhãn phức hợp ruthenium 60 ng / mL; 0,1M PBS; chất bảo quản (RB): Biotinylated T3 1,0 ng / mL; 0,1M PBS; chất bảo quản. Hiệu chuẩn (Cao): Kháng nguyên T3, 0.1M PBS, 0.05% ProclinTM300. Hiệu chuẩn (Thấp): Kháng nguyên T3, 0.1M PBS, 0.05% ProclinTM300. Control (Cao): Kháng nguyên T3, 0.1M PBS, 0.05% ProclinTM300. Control (Cao): Kháng nguyên T3, 0.1M PBS, 0.05% ProclinTM300. Thiết bị tương thích: eCL8000, eCL8000i, eCL8000p, eCL8000x, eCL9000, eCL9000i, eCL9600, eCL9900, eCL9900i. Bảo quản: 2 ~ 8°C trong 12 tháng. 28 ngày trong máy (nhiệt độ 4 ~ 15°C)	Hộp	96

1.	2	3	4	5
31	Thuốc thử xét nghiệm định lượng TSH	Thyroid Stimulating Hormone là thuốc thử xét nghiệm miễn dịch để xác định định lượng hocmon tuyến giáp TSH, giúp chẩn đoán các bệnh về tuyến giáp. Thành phần hoạt tính: (MB): Streptavidin phủ vi hạt, 0,75 mg / mL: 0,1 M PBS; 0,05% ProClinTM300 (RB): Anti-TSH-Ab ~ biotin, 2 mg / L: 0,1 M PBS; 0,05% ProClinTM300. (RA): Anti-TSH-Ab~Ru(bpy)32+, 1.2 mg/L: 0.1 M PBS; 0.05% ProClinTM300 Hiệu chuẩn (Cao): Kháng nguyên TSH, 0,1 M PBS, ProClinTM300. Hiệu chuẩn (Thấp): Kháng nguyên TSH, 0,1 M PBS, ProClinTM300. Control (Cao): Kháng nguyên TSH, 0,1 M PBS, ProClinTM300. Control (Cao): Kháng nguyên TSH, 0,1 M PBS, ProClinTM300. Thiết bị tương thích: eCL8000, eCL8000i, eCL8000p, eCL8000x, eCL9000, eCL9000i, eCL9600, eCL9900, eCL9900i. Bảo quản: 2 ~ 8°C trong 12 tháng. 28 ngày trong máy (nhiệt độ 4 ~ 15°C)	Hộp	96
32	Thuốc thử xét nghiệm định lượng FT4	Free Thyroxine Kit hay còn gọi là FT4 Là Kit xét nghiệm định lượng thyroxine Tuyến giáp tự do trong huyết thanh và huyết tương người. Thành phần hoạt tính: (MB): Streptavidin phủ vi hạt, 0,75mg / mL; 0,1M PBS; chất bảo quản. (RB): T4-Biotin, 1 ng / mL; 0,1 M PBS; chất bảo quản. (RA): T4-Ab ~ Ru (bpy) 3 2+, 200 ng / mL; 0,1 triệu PBS; chất bảo quản. Hiệu chuẩn (Cao):Kháng nguyên T4, 0,1 M PBS, chất bảo quản. Hiệu chuẩn (Thấp): Kháng nguyên T4, 0,1 M PBS, chất bảo quản. Control (Cao): Kháng nguyên T4, 0,1 M PBS, chất bảo quản. Control (thấp): Kháng nguyên T4, 0,1 M PBS, chất bảo quản. Thiết bị tương thích: eCL8000, eCL8000i, eCL8000p, eCL8000x, eCL9000, eCL9000i, eCL9600, eCL9900, eCL9900i. Bảo quản: 2 ~ 8°C trong 12 tháng. 28 ngày trong máy (nhiệt độ 4~15°C)	Hộp	96
33	Xét nghiệm Bệnh tim mạch	High-Sensitivity Troponin T STAT là thuốc thử xét nghiệm miễn dịch invitro để xác định định lượng troponin T tim trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm này nhằm mục đích hỗ trợ chẩn đoán nhồi máu tim. Thành phần hoạt tính: MB: Streptavidin-coated micro magnetic beads, 0.1 M PBS;0.05% ProClin™ 300. RA: Anti-cTnT-Ab~Ru(bpy) 3 2+ , 0.1 M PBS; 0.05% ProClin™ 300. RB: Anti-cTnT-Ab~biotin, 0.1 M PBS;0.05% ProClin™ 300. Calibrator (High): Huyết thanh ngựa, 0.05% ProClin™ 300, lyophilized. Calibrator (Medium): Huyết thanh ngựa, 0.05% ProClin™ 300, lyophilized. Calibrator (Low): Huyết thanh ngựa, 0.05% ProClin™ 300, lyophilized. Control (High): Huyết thanh ngựa, 0.05% ProClin™ 300, lyophilized. Control (Low): Huyết thanh ngựa, 0.05% ProClin™ 300, lyophilized. Thiết bị tương thích: eCL8000, eCL8000i, eCL8000p, eCL8000x, eCL9000, eCL9000i, eCL9600, eCL9900, eCL9900i. Bảo quản: 2 ~ 8°C trong 12 tháng. 28 ngày trong máy.	Hộp	2

1.	2	3	4	5
34	Xét nghiệm Bệnh suy tim	N-terminal pro B-type Natriuretic Peptide (NT-proBNP) Là thuốc thử xét nghiệm miễn dịch in vitro để định lượng troponin I tim ở người huyết thanh và huyết tương. Xét nghiệm này nhằm mục đích hỗ trợ chẩn đoán bệnh nhồi máu cơ tim Thành phần hoạt tính: MB: Streptavidin-coated micro magnetic beads, 0.75 mg/mL: 0.1M PBS; 0.05% ProClin™ 300. RB: Anti-NT-proBNP-Ab~biotin, 1.5 mg/L: 0.1M PBS; 0.05% ProClin™ 300. RA: Anti-NT-proBNP-Ab~Ru(bpy) 2+ 3, 1.5 mg/L: 0.1M PBS; 0.05% ProClin™ 300. Hiệu chuẩn (Cao): Huyết thanh bê, 0.05% ProClin™ 300; lyophilized. Hiệu chuẩn (Thấp): Huyết thanh bê, 0.05% ProClin™ 300; lyophilized. Thiết bị tương thích: eCL8000, eCL8000i, eCL8000p, eCL8000x, eCL9000, eCL9000i, eCL9600, eCL9900, eCL9900i. Bảo quản: 2 ~ 8°C trong 12 tháng. 28 ngày trong máy.	Hộp	2
35	Xét nghiệm CRP	High-Sensitivity C-reactive Protein là Thuốc thử Xét nghiệm miễn dịch để định lượng protein phản ứng C trong ống nghiệm huyết thanh và huyết tương của người. Thành phần hoạt tính: (MB): Streptavidin-coated microparticles 0.75 mg/mL: 0.1 M PBS; 0.05% ProClin™ 300. (RA) Anti-CRP-Ab~Ru (bpy)3 2+1.0µg/mL: 0.1 M PBS; 0.05% ProClin™ 300. (RB)Anti-CRP-Ab~biotin 1.0 µg/mL: 0.1M PBS; 0.05%ProClin™ 300. Diluent 0.1 M PBS, 0.05% ProClin™ 300.pH 7,0. Calibrator (High)Calf serum, 0.05% ProClin™ 300 Calibrator (Low) Calf serum, 0.05% ProClin™ 300 Control Material (High) Calf serum, 0.05% ProClin™ 300 Control Material (Low) Calf serum, 0.05% ProClin™ 300 Thiết bị tương thích: eCL8000, eCL8000i, eCL8000p, eCL8000x, eCL9000, eCL9000i, eCL9600, eCL9900, eCL9900i. Bảo quản: 18 tháng tại 2~ 8°C cho đến ngày hết hạn đã nêu. Sau khi mở nắp đã sử dụng 8 tuần.	Hộp	96
36	Dung dịch đệm A Auffer	Auffer là chất rửa được sử dụng để làm sạch hệ thống chất lỏng và tế bào đo lường trong quá trình hoạt động của máy miễn dịch. Auffer có thể được sử dụng với tất cả các lô thuốc thử. Thành phần hoạt tính: KOH 176 mmol/L, detergent ≤ 1%; pH 13.0. Thiết bị tương thích: eCL8000, eCL8000i, eCL8000p, eCL8000x, eCL9000, eCL9000i, eCL9600, eCL9900, eCL9900i. Bảo quản: 24 tháng tại 4 ~ 30°C cho đến ngày hết hạn đã nêu. Sau khi mở nắp đã sử dụng 4 tuần.	Chai	216

1.	2	3	4	5
37	Dung dịch đệm B Buffer	Buffer là chất đệm được sử dụng để cung cấp và duy trì môi trường phản ứng điện hóa trongMáy phân tích xét nghiệm miễn dịch ECL. - Hình thành cấu trúc bề mặt ổn định trên điện cực - Vận chuyển hỗn hợp phản ứng - Làm sạch các hạt từ tính được bao bọc bởi các phức hợp miễn dịch - Phát tín hiệu điện hóa phát quang. Đệm có thể được sử dụng với tất cả các lô thuốc thử. Thành phần hoạt tính: Đệm phốt phát 270 mmol / L, tripropylamine 162 mmol / L, chất tẩy rửa ≤0,1%, chất bảo quản; pH 7,0. Thiết bị tương thích: eCL8000, eCL8000i, eCL8000p, eCL8000x, eCL9000, eCL9000i, eCL9600, eCL9900, eCL9900i. Bảo quản: 24 tháng tại 4 ~ 30°C cho đến ngày hết hạn đã nêu. Sau khi mở nắp đã sử dụng 4 tuần.	Chai	216
38	Chất rửa đệm đậm đặc	Concentrated Washing Buffer là chất đệm rửa đậm đặc được sử dụng để làm sạch Pipette Thành phần hoạt tính: Đệm photphat 0,1 mol / L, NaCl 1,5 mol / L, chất tẩy rửa 1,0%, chất bảo quản; pH 7.4 Thiết bị tương thích: Dòng xét nghiệm miễn dịch EcL Bảo quản: 24 tháng tại 4 ~ 30 °C cho đến ngày hết hạn đã nêu. Sau khi mở nắp đã sử dụng 4 tuần.	Chai	216
39	Cốc đựng mẫu	Assay Cup là cốc phản ứng, được sử dụng kết hợp với Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. để lưu trữ và ủ dung dịch phản ứng và hoàn thành quá trình ủ bệnh của phản ứng miễn dịch Thiết bị tương thích: eCL8000, eCL8000i, eCL8000p, eCL8000x. Bảo quản: 36 tháng kể từ ngày sản xuất	Hộp	120
40	Bộ hóa chất xét nghiệm HbA1c trên máy sắc ký lỏng cao áp MQ 2000PT	Dùng để xác định % Hba1C bằng phương pháp sắc ký lỏng cao áp (HPLC) trên máy xét nghiệm MQ2000PT Bộ Kit bao gồm: 01 Cột sắc ký lỏng HbA1c (HPLC) 01 Chất đệm HbA1c (A); (2x1800ml) 01 Chất đệm HbA1c (B); (1x1400ml) 01 Chất ly giải Haemolyser ; (4x1800ml) 01 Ống pha loãng mẫu; 100 Lọ /Túi ; 02 Tấm lọc; 06 Giấy in cho máy in nhiệt Thành phần hoạt tính: HbA1c A: (pH5 ~ 6) Natri xitrat dihydrat, axit xitric monohydrat, Isothiazolinone, Natri azit, Nước. HbA1c B: (pH6 ~ 7): Natri xitrat dihydrat, axit xitric monohydrat, Isothiazolinone, Natri azit, Nước. HbA1c Haemolyser: (pH6 ~ 8): Disodium hydro orthophosphate, Natri dihydrogen orthophosphat, Chất hoạt động bề mặt, Natri azit, Nước.	Bộ	36

PHỤ LỤC 02: BIỂU MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo công văn số: /TM-BV, ngày tháng năm 2025 của bệnh viện Đa khoa Vũ Thư)

TÊN ĐƠN VỊ CHÀO GIÁ
Số:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO GIÁ

Kính gửi: **Bệnh viện Đa khoa Vũ Thư**

Trên cơ sở Thư mời báo giá số …./CV-BV ngày …. tháng …. năm …. của bệnh viện Đa khoa Vũ Thư, chúng tôi [*Ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan.

Stt	Danh mục thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Phân loại TTBYT	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Năm sản xuất	Hãng sản xuất/ Xuất xứ	Số lượng/ khối lượng	Đơn giá	Chi phí cho dịch vụ liên quan (VNĐ) *(nếu có)*	Kết quả trúng thầu trong vòng 12 tháng (tại đơn vị nào)	Số quyết định trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)
1	Thiết bị A													
2	Thiết bị B													
3														
….														

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm 2025

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

…., ngày.... tháng....năm 2025
Đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá
(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)

Ghi chú: *Cột phân loại trang thiết bị y tế (Loại A/B/C/D; nếu không có ghi: Không phân loại)*